

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách  
của huyện Bến Cầu năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 trên địa bàn huyện Bến Cầu;

Xét Tờ trình số 08/TTr-TCKH ngày 08/01/2020 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Bến Cầu năm 2020 (kèm theo các biểu mẫu)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND;
- Như Điều 3;
- Huyện ủy Bến Cầu;
- Viện KSND huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Vp HĐND&UBND

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thanh Mềm**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán 2020
A	B	3
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>357.050</b>
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	135.197
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	209.853
	- Thu bổ sung cân đối	187.854
	- Thu bổ sung có mục tiêu	21.999
III	Thu kết dư	12.000
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>357.050</b>
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	345.050
1	Chi đầu tư phát triển	80.190
2	Chi thường xuyên	255.380
3	Dự phòng ngân sách	6.700
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.780
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI (từ nguồn CCTL huyện), trong đó:	12.000
	- Ủy thác vốn cho Ngân hàng CSXH	500
	- Ủy thác vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân	100

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau ước thực hiện năm hiện hành.

Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

## CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2020
A	B	3
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>285.840</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	112.912
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	160.928
	- Thu bổ sung cân đối	153.804
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7.124
3	Thu kết dư	12.000
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>285.840</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	285.840
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
	- Chi bổ sung cân đối ngân sách	
	- Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP XÃ</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>71.210</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	22.285
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	48.925
	- Thu bổ sung cân đối	34.050
	- Thu bổ sung có mục tiêu	14.875
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>71.210</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	71.210

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>142.100</b>	<b>136.900</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>142.100</b>	<b>136.900</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý</b> (Chi tiết theo sắc thuế)		
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý</b> (Chi tiết theo sắc thuế)		
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b> (Chi tiết theo sắc thuế)		
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ NQD</b>	<b>27.000</b>	<b>27.000</b>
	-Thuế giá trị gia tăng	20.400	20.400
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000	5.000
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ HH, DV trong nước	200	200
	-Thuế tài nguyên	1.400	1.400
	-Thuế bảo vệ môi trường	-	-
<b>5</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>
<b>6</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>	-	-
<b>7</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>200</b>	<b>200</b>
<b>8</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>2.400</b>	<b>2.400</b>
<b>9</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>19.000</b>	<b>19.000</b>
<b>10</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>17.900</b>	<b>17.900</b>
	<i>Trong đó: Thu theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP</i>	<i>2.900</i>	<i>2.900</i>
<b>11</b>	<b>Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>	<b>49.300</b>	<b>49.300</b>
	<i>Trong đó: Thu theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP</i>	<i>49.000</i>	<i>49.000</i>
<b>12</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>14.700</b>	<b>9.500</b>
	<i>Trong đó: + Thu phạt ATGT</i>	<i>5.200</i>	
	<i>+ Thu theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP</i>	<i>3.100</i>	<i>3.100</i>
	<i>+ Thu khác còn lại</i>	<i>6.400</i>	<i>6.400</i>
<b>13</b>	<b>Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác</b>	<b>1.600</b>	<b>1.600</b>
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI (A+B)</b>	<b>357.050</b>	<b>285.840</b>	<b>71.210</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>345.050</b>	<b>274.570</b>	<b>70.480</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>80.190</b>	<b>79.190</b>	<b>1.000</b>
1	Chi đầu tư XD CB	76.610	75.610	1.000
a	<i>Chi từ nguồn NSDP</i>	11.980	10.980	1.000
b	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	12.530	12.530	
c	<i>Chi từ nguồn Nghị định 167/2017/NĐ-CP</i>	52.100	52.100	
2	Chi đầu tư tạo lập quỹ Phát triển đất	3.580	3.580	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>255.380</b>	<b>188.471</b>	<b>66.909</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo</i>	122.708	122.708	
	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>	160	160	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6.700</b>	<b>4.671</b>	<b>2.029</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>2.780</b>	<b>2.238</b>	<b>542</b>
<b>B</b>	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI (từ nguồn CCTL huyện),</b>	<b>12.000</b>	<b>11.270</b>	<b>730</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>- Ủy thác vốn cho Ngân hàng CSXH</i>		500	
	<i>- Ủy thác vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân</i>		100	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2020***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)</b>	<b>335.495</b>
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>	<b>48.925</b>
1	Bổ sung cân đối	34.050
2	Bổ sung có mục tiêu	14.875
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC</b>	<b>286.570</b>
<b>B1</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>274.570</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>79.190</b>
1	Chi đầu tư XD CB	75.610
<i>a</i>	<i>Chi từ nguồn NSDP</i>	<i>10.980</i>
<i>b</i>	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>12.530</i>
<i>c</i>	<i>Chi từ nguồn Nghị định 167/2017/NĐ-CP</i>	<i>52.100</i>
2	Chi đầu tư tạo lập quỹ Phát triển đất	3.580
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>188.471</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo</i>	<i>122.708</i>
	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>	<i>160</i>
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.671</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>2.238</b>
<b>B2</b>	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI (từ nguồn CCTL huyện),</b>	<b>12.000</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>- Ủy thác vốn cho Ngân hàng CSXH</i>	<i>500</i>
	<i>- Ủy thác vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân</i>	<i>100</i>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

A	B	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU
							Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	240.557	79.190	154.458	4.671	2.238				
<b>I</b>	<b>Các cơ quan, đơn vị huyện</b>			154.458						
1	Văn phòng HĐND&UBND			4.977						
2	Phòng Tài chính Kế hoạch			1.141						
3	Phòng Nông nghiệp&PTNN			1.426						
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			920						
5	Thanh tra			900						
6	Phòng Văn hoá Thông tin			1.071						
7	Phòng Nội vụ			1.270						
8	Phòng Lao động TBXH, trong đó:			1.549						
	- Hội Người tù kháng chiến			113						
	- Hội Người mù			125						
	- Câu lạc bộ Hưu trí			113						
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo, trong đó:			2.669						
	- Hội cựu giáo chức			113						
	- Hội Khuyến học			113						
10	Phòng Tư pháp			690						
11	Phòng Tái nguyên MT, trong đó			1.198						
	- Hội nạn nhân chất độc da cam			113						
12	Phòng Y tế			487						
13	Huyện ủy			7.626						
14	Mặt trận			768						
15	Huyện đoàn, trong đó:			808						
	- Hội Cựu thanh niên xung phong			63						
16	Phụ nữ			808						
17	Hội Nông dân			679						
18	Hội Cựu chiến binh			528						
19	Hội Chữ thập đỏ			362						
20	Hội đồng y			320						
21	Hội người cao tuổi			113						
22	Công an			1.000						
23	Quân sự			3.000						
24	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh			2.177						
25	Trung tâm bồi dưỡng chính trị			1.360						
26	Ban quản lý dự án ĐTXD			-						

		Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU
							Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
27	Trung tâm phát triển quỹ đất			778						
28	Trung tâm GDNN-GDTX			2.106						
29	Trường Mẫu non 15/3			2.890						
30	Trường Mẫu giáo An Thạnh			1.675						
31	Trường Mẫu giáo Lợi Thuận			1.139						
32	Trường Mẫu giáo Tiên Thuận			1.786						
33	Trường Mẫu giáo Long Thuận			2.337						
34	Trường Mẫu giáo Long Khánh			2.025						
35	Trường Mẫu giáo Long Giang			717						
36	Trường Mẫu giáo Long Chữ			889						
37	Trường Mẫu giáo Long Phước			865						
38	Trường TH Thị Trấn			7.094						
39	Trường TH An Thạnh			6.955						
40	Trường TH Lợi Thuận			5.198						
41	Trường TH Tiên Thuận A			4.122						
42	Trường TH Tiên Thuận B			3.449						
43	Trường TH Tiên Thuận C			3.225						
44	Trường TH Long Thuận A			3.548						
45	Trường TH Long Thuận B			4.060						
46	Trường TH Long Thuận C			2.958						
47	Trường TH Long Khánh A			3.520						
48	Trường TH Long Khánh B			2.934						
49	Trường TH Long Giang			5.665						
50	Trường TH Long Chữ A			3.897						
51	Trường TH Long Chữ B			2.133						
52	Trường THCS Thị Trấn			5.572						
53	Trường THCS Khru Văn Chông			4.299						
54	Trường THCS Lợi Thuận			4.288						
55	Trường THCS Tiên Thuận			4.929						
56	Trường THCS Nguyễn văn Ân			5.514						
57	Trường THCS Long Khánh			3.623						
58	Trường THCS Long Giang			3.361						
59	Trường THCS Long Chữ			3.336						
60	Trường TH và THCS Long Phước			5.724						





**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị: triệu đồng*

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chia ra								
			Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp Khoa học, công nghệ	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp môi trường	VHTT TDTT PTTT	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh quốc phòng	Chi đảm bảo xã hội	Sự nghiệp y tế
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>	195.057	122.708	160	20.440	551	2.177	32.154	4.000	11.270	1.597
1	Văn phòng HĐND&UBND	4.977						4.977			
2	Phòng Tài chính Kế hoạch	1.141						1.141			
3	Phòng Nông nghiệp&PTNN	1.426			340			1.086			
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	15.015		160	13.640	295		920			
5	Thanh tra	900						900			
6	Phòng Văn hoá Thông tin	1.071						1.071			
7	Phòng Nội vụ	1.270						1.270			
8	Phòng Lao động TBXH, trong đó:	13.816						1.549		10.670	1.597
	- Hội Người tù kháng chiến	113						113			
	- Hội Người mù	125						125			
	- Câu lạc bộ Hưu trí	113						113			
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo, trong đó:	9.590	7.621					1.969			
	- Hội cựu giáo chức	113						113			
	- Hội Khuyến học	113						113			
10	Phòng Tư pháp	690						690			
11	Phòng Tài nguyên MT, trong đó	1.914			460	256		1.198			
	- Hội nạn nhân chất độc da cam	113						113			
12	Phòng Y tế	487						487			
13	Huyện ủy	7.626						7.626			
14	Mặt trận	768						768			
15	Huyện đoàn, trong đó:	808						808			
	- Hội Cựu thanh niên xung phong	63						63			
16	Phụ nữ	808						808			
17	Hội Nông dân	779						679		100	
18	Hội Cựu chiến binh	528						528			
19	Hội Chữ thập đỏ	362						362			
20	Hội đồng y	320						320			
21	Hội người cao tuổi	113						113			
22	Công an	1.000							1.000		
23	Quân sự	3.000							3.000		
24	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	2.177					2.177				



**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO  
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng cộng	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9.515</b>	<b>22.285</b>	<b>8.007</b>	<b>14.278</b>	<b>34.050</b>	<b>14.875</b>		<b>71.210</b>
1	Thị trấn	2.650	4.458	2.170	2.288	2.399	1.576		8.433
2	An Thạnh	1.530	3.490	1.250	2.240	2.626	831		6.947
3	Lợi Thuận	1.700	4.595	1.380	3.215	2.942	864		8.401
4	Tiên Thuận	760	2.717	680	2.037	5.358	2.052		10.127
5	Long Thuận	850	1.710	730	980	4.099	2.433		8.242
6	Long Khánh	660	1.587	548	1.039	5.092	1.162		7.841
7	Long Giang	385	1.098	313	785	2.782	3.116		6.996
8	Long Chữ	350	1.372	310	1.062	4.348	1.251		6.971
9	Long Phước	630	1.258	626	632	4.404	1.590		7.252

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP  
HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>14.875</b>		<b>14.875</b>	
1	Thị trấn	1.576		1.576	
2	An Thạnh	831		831	
3	Lợi Thuận	864		864	
4	Tiên Thuận	2.052		2.052	
5	Long Thuận	2.433		2.433	
6	Long Khánh	1.162		1.162	
7	Long Giang	3.116		3.116	
8	Long Chử	1.251		1.251	
9	Long Phước	1.590		1.590	





Số: 08 /TTr-TCKH

Bến Cầu, ngày 08 tháng 01 năm 2020

### TỜ TRÌNH

#### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Bến Cầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bến Cầu về việc quyết định dự toán ngân sách năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu về việc giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn huyện Bến Cầu;

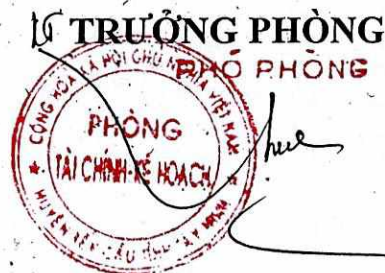
Phòng Tài chính Kế hoạch kính trình Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu xem xét Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020, như sau:

*(Kèm theo các biểu mẫu từ số 81 đến 92/CK-NSNN)*

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 đúng theo Luật định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư